

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2020

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2020/QĐST-NHGD ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ 9, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: tổ 5, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc Na U, sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 9, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Ngọc A, anh Na U có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

chị A và anh Nguyễn Khắc Na U xây dựng gia đình với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ngọc A đi làm tăng ca, thỉnh thoảng có đi chơi với bạn bè về trễ nên dẫn đến vợ chồng cãi vã. Ngoài ra, do vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng nên không được hòa hợp, thoải mái nên đến năm 2014, chị A đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở tổ 5, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai để sinh sống cho đến nay; đây cũng chính là thời gian ly thân của vợ chồng. Vào năm 2019, chị Ngọc A có nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Na U.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 23/02/2012. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị A giao cháu Như Y cho anh Na U nuôi dưỡng, chi cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn anh Nguyễn Khắc Na U trình bày:

Anh và chị Ngọc A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, do cả hai đều tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ngọc A thường đi làm sớm, về trễ nên dẫn đến vợ chồng cự cãi. Năm 2016, chị Ngọc A tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay, đây cũng chính là thời gian ly thân của vợ chồng. Đến năm 2019, chị Ngọc A có nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn, nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì anh là người theo đạo nên không được phép ly hôn, mặt khác do anh vẫn còn tình cảm với chị Ngọc A nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 23/02/2012. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị A giao cháu Như Y cho anh nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, anh đồng ý.

+ *Về tài sản chung:* do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

+ Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 23/02/2012 cho anh Na U nuôi dưỡng; tạm thời chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Na U; chị A và anh Na U đều cư trú tại xã V, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngọc A và anh Na U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị Ngọc A xin ly hôn, anh Na U không đồng ý và có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ. Tòa đã hòa giải nhưng chị Ngọc A vẫn cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy chị Ngọc A xin ly hôn, nguyên nhân xuất phát từ việc chị Ngọc A thường đi làm sớm, về trễ dẫn đến việc vợ chồng cự cãi. Cuộc sống chung với gia đình chồng không được hòa hợp nên dẫn đến mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị Ngọc A và anh Na U cùng thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2016; đến năm 2019 chị A đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy hôn nhân của chị Ngọc A và anh Na U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc A, xử cho chị Ngọc A được ly hôn anh Na U là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 23/02/2012. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận giao con chung cho anh Na U nuôi dưỡng, chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai cháu Như Y và cháu cũng có nguyện vọng được ở với cha nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y cho anh Na U nuôi dưỡng, tạm thời chị Ngọc A cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] *Về nợ chung*: không có nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A. Xử cho chị A được ly hôn anh Nguyễn Khắc Na U.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 23/02/2012 cho anh Na U nuôi dưỡng; tạm thời chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Ngọc A được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000374 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Ngọc A phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc - Lâm Ngọc Trao

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Toàn